

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ (nhóm B) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực pháp chế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ (nhóm B) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực pháp chế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Bãi bỏ thủ tục hành chính “Xác thực kết quả pháp điển quy phạm pháp luật” (số thứ tự 5 mục VII Phần I.2) tại Quyết định số 497/QĐ-BXD ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Sinh**

**Phụ lục**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (NHÓM B) MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC PHÁP CHẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 734/QĐ-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (NHÓM B)**

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Công nhận báo cáo viên pháp luật	Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng
2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật		

**2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	6.001441	Thẩm định Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Vụ Pháp chế; đơn vị được Bộ trưởng phân công thực hiện thẩm định (đối với dự thảo Thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo, tham mưu trình)

**3. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Xác thực kết quả pháp điển quy phạm pháp luật	Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng	Bộ trưởng Bộ Xây dựng

		Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
--	--	---	--

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **1. Công nhận báo cáo viên pháp luật**

#### **1.1. Trình tự thực hiện**

- Hằng năm, các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi được giao quản lý chủ động thực hiện rà soát, lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và có văn bản đề nghị gửi Vụ Pháp chế.

- Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Vụ Pháp chế tổng hợp, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ văn bản công nhận báo cáo viên pháp luật của Bộ; đồng thời gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để công bố công khai trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng.

**1.2. Cách thức thực hiện:** trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của Bộ.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

##### *a) Thành phần hồ sơ:*

Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ các thông tin gồm: họ và tên; chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác; trình độ chuyên môn; lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

##### *b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** không quy định.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** các đơn vị thuộc Bộ.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:** Bộ Xây dựng.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** văn bản công nhận báo cáo viên pháp luật của Bộ.

**1.8. Phí, lệ phí:** không quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không quy định.

#### **1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ**

Cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc Bộ được xem xét công nhận là báo cáo viên pháp luật khi có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác;

- Có khả năng truyền đạt;

- Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.

### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ**

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;
- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;
- Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

## **2. Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật**

### **2.1. Trình tự thực hiện**

- Các đơn vị có báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp miễn nhiệm gửi văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật đến Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.
- Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Vụ Pháp chế tổng hợp, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ văn bản miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của Bộ; đồng thời gửi Trung tâm Công nghệ thông tin để công bố công khai trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng.

**2.2. Cách thức thực hiện:** trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của Bộ.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### *a) Thành phần hồ sơ:*

Văn bản đề nghị miễn nhiệm có đầy đủ các thông tin của báo cáo viên pháp luật được đề nghị miễn nhiệm, gồm: họ và tên; chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác; số, ngày, tháng, năm của văn bản đã được Bộ Xây dựng công nhận báo cáo viên pháp luật; lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.

#### *b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** không quy định.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** các đơn vị thuộc Bộ.

**2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:** Bộ Xây dựng.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** văn bản miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của Bộ.

**2.8. Phí, lệ phí:** không quy định.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không quy định.

### **2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ**

Báo cáo viên pháp luật bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;
- Không còn là cán bộ, công chức, viên chức hoặc chuyển công tác khỏi cơ

quan, đơn vị đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật;

- Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên;

- Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự.

### **2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ**

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

- Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

## **3. Thẩm định Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng**

### **3.1. Trình tự thực hiện**

- Đơn vị tham mưu trình gửi hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư đến Vụ Pháp chế/đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, Vụ Pháp chế/đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định tổ chức tự thẩm định hoặc tham mưu Lãnh đạo Bộ thành lập hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trong quá trình thẩm định, tùy nội dung dự thảo thông tư, Vụ Pháp chế, đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định có thể tham mưu văn bản mời đại diện của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học tham gia thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp tổ chức cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Vụ Pháp chế, đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định gửi tài liệu họp thẩm định đến các thành viên tham gia thẩm định chậm nhất là 03 ngày làm việc, trước ngày tổ chức thẩm định. Thành viên tham gia thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ dự thảo thông tư và phát biểu ý kiến thẩm định tại cuộc họp.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hồ sơ dự thảo thông tư, ý kiến của các thành viên tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định và ý kiến thẩm định bằng văn bản (nếu có), Vụ Pháp chế/đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định.

Trường hợp trong báo cáo thẩm định kết luận chưa đủ điều kiện trình, đơn vị chủ trì soạn thảo, đơn vị tham mưu trình có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư và đề nghị Vụ Pháp chế, đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định thực hiện thẩm định lại.

**3.2. Cách thức thực hiện:** trực tiếp và qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp Bộ Xây dựng.

### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

*a) Thành phần hồ sơ:*

Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

- Dự thảo tờ trình Bộ trưởng;
- Dự thảo thông tư;
- Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);
- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư;
- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật;
- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý;
- Tài liệu khác (nếu có).

*b) Số lượng hồ sơ:* bản điện tử và 01 bộ bản giấy.

### **3.4. Thời hạn giải quyết**

Đối với dự thảo thông tư được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; trường hợp dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời hạn thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** đơn vị tham mưu trình dự thảo thông tư.

**3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:** Vụ Pháp chế hoặc đơn vị được Bộ trưởng giao thẩm định dự thảo thông tư.

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** Báo cáo thẩm định.

**3.8. Phí, lệ phí:** không quy định.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Báo cáo thẩm định dự thảo thông tư.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** không quy định.

### **3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa

đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

- Quyết định số 710/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**BỘ XÂY DỰNG**  
**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

*Hà Nội, ngày tháng năm*

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**  
**DỰ THẢO THÔNG TƯ.....**

Kính gửi: ... (Cơ quan tham mưu trình)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, theo đề nghị của ... (Cơ quan tham mưu trình) và trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ gửi thẩm định, kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định (nếu có), ... (Đơn vị chủ trì thẩm định) có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Thông tư... (sau đây gọi là dự thảo Thông tư) như sau:

1. Sự cần thiết ban hành thông tư
2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của thông tư
3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng
4. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên
5. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
6. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp
7. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản
8. Kết luận

Trên đây là Báo cáo thẩm định của ... (Đơn vị chủ trì thẩm định) đối với dự thảo Thông tư..., đề nghị ... (Cơ quan tham mưu trình) nghiên cứu, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**  
**THẨM ĐỊNH**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*